

Số: /2025/TT-BTC

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

DỰ THẢO

THÔNG TƯ

Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 29/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 2 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính; Nghị định số 166/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 29/2025/NĐ-CP;

Thực hiện Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn 1 từ năm 2021 đến năm 2025 (sau đây viết tắt là Quyết định số 1719/QĐ-TTg); Quyết định số 920/QĐ-TTg ngày 14/5/2025 của Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh một số nội dung của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế, xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 (sau đây gọi tắt là Quyết định số 920/QĐ-TTg);

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tài chính - Kinh tế ngành;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 (sau đây gọi tắt là Thông tư số 55/2023/TT-BTC):

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 2 như sau:

“2. Ngân sách địa phương

Các địa phương chủ động bố trí kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách địa phương và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác để thực hiện có hiệu quả các dự

án, tiểu dự án, nội dung, nội dung thành phần của các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn theo quy định tại các Quyết định: số 1719/QĐ-TTg, số **920/QĐ-TTg**; số 90/QĐ-TTg, số 263/QĐ-TTg, số 39/2021/QĐ-TTg, số 18/2023/QĐ-TTg, số 02/2022/QĐ-TTg, số 07/2022/QĐ-TTg và số 880/QĐ-TTg.”

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 3 như sau:

“1. Việc lập dự toán, chấp hành và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước; Nghị định số 27/2022/NĐ-CP; Nghị định số 38/2023/NĐ-CP; các Quyết định: số 1719/QĐ-TTg, số **920/QĐ-TTg**, số 90/QĐ-TTg, số 263/QĐ-TTg, số 880/QĐ-TTg, số 39/2021/QĐ-TTg, số 18/2023/QĐ-TTg, số 02/2022/QĐ-TTg và số 07/2022/QĐ-TTg; văn bản hướng dẫn của các cơ quan chủ Chương trình; văn bản hướng dẫn của các bộ, cơ quan được phân công chủ trì dự án, tiểu dự án, nội dung, nội dung thành phần; quy định tại Thông tư này và các quy định của pháp luật liên quan. Các cơ quan, đơn vị được phân bổ và giao dự toán kinh phí thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng và quyết toán theo đúng quy định của pháp luật. Các nội dung, nhiệm vụ, hoạt động thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia đã được quyết toán từ nguồn kinh phí của các chương trình, đề án, dự án khác thì không được quyết toán từ nguồn kinh phí của các Chương trình mục tiêu quốc gia.”

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 8 như sau:

“Điều 8. Chính sách hỗ trợ địa bàn bố trí dân xen ghép

Ngân sách trung ương hỗ trợ địa bàn bố trí dân xen ghép theo mức 60 triệu đồng/hộ để thực hiện ~~các nội dung~~ điều chỉnh đất ở, đất sản xuất giao cho các hộ mới đến (~~khai hoang, bồi thường theo quy định khi thu hồi đất của các tổ chức, cá nhân khi thu hồi đất~~) **theo quy định tại điểm c khoản 1 Mục II Chương trình ban hành kèm theo Quyết định số 920/QĐ-TTg”.**

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 10 như sau:

“1. Việc lập dự toán kinh phí thực hiện các mô hình, kế hoạch liên kết, phương án sản xuất được xây dựng trên cơ sở các nội dung hỗ trợ quy định tại Chương V Nghị định số 27/2022/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 11, 12, 13 và 14 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP); ~~Quyết định số 1719/QĐ-TTg; Quyết định số 920/QĐ-TTg~~, hướng dẫn của Ủy ban Dân tộc **Bộ Dân tộc và Tôn giáo, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Y tế**; nội dung chi tương ứng quy định tại Điều 12 Thông tư số này, **khoản 6 Điều 1 Thông tư số 75/2024/TT-BTC ngày 31 tháng 10 năm 2024 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 55/2023/TT-BTC và chế độ chi tiêu tài chính hiện hành”.**

5. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 11 như sau:

“1. Việc lập dự toán kinh phí thực hiện dự án/kế hoạch liên kết được xây dựng trên cơ sở các nội dung hỗ trợ theo quy định tại khoản 4 Điều 21 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 12 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP), ~~điểm b khoản 3 Mục III Chương trình ban hành kèm theo Quyết~~

~~định số 1719/QĐ-TTg điểm b khoản 2 Mục II Chương trình ban hành kèm theo Quyết định số 920/QĐ-TTg, hướng dẫn của Ủy ban Dân tộc Bộ Dân tộc và Tôn giáo; nội dung, mức chi tương ứng quy định tại các khoản 1, 2, 5 Điều 12 Thông tư này và khoản 1 Điều 6 Thông tư số 75/2024/TT-BTC”.~~

6. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 13 như sau:

“1. Chi mua sắm trang thiết bị duy trì hoạt động thường xuyên trong ~~hàng rào~~ phạm vi thực hiện dự án. Mức hỗ trợ theo Quyết định của cấp có thẩm quyền trong phạm vi dự toán được giao, đảm bảo theo quy định của pháp luật về đầu thầu”, căn cứ điểm b khoản 2 mục II Chương trình ban hành kèm theo Quyết định số 920/QĐ-TTg.

7. Sửa đổi tiêu đề khoản 2 Điều 14 như sau:

“2. Hỗ trợ chi phí vận hành các dự án “Trung tâm hỗ trợ khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tại các trường đại học và ~~Văn phòng Điều phối Chương trình thuộc Ủy ban Dân tộc~~”, căn cứ điểm b khoản 2 mục II Chương trình ban hành kèm theo Quyết định số 920/QĐ-TTg.

8. Sửa đổi khoản 3 Điều 14 như sau:

“3. Chi hỗ trợ xây dựng và vận hành thí điểm các dự án “Trung tâm kết nối giao thương, thương mại, du lịch và quảng bá sản vật vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi” tại ~~Ủy ban Dân tộc và các tỉnh: Quảng Ninh, Lào Cai, Lâm Đồng, Cần Thơ~~”, căn cứ điểm b khoản 2 mục II Chương trình ban hành kèm theo Quyết định số 920/QĐ-TTg.

9. Sửa đổi điểm b khoản 1 Điều 18 như sau:

“b) Bốn (04) nhà hỏa táng ~~điện~~ cho đồng bào dân tộc thiểu số Chăm và đồng bào các dân tộc sinh sống trên địa bàn các tỉnh: ~~Ninh Thuận Khánh Hòa và Bình Thuận Lâm Đồng~~”

10. Bổ sung khoản 8 Điều 20 như sau:

“8. Chi hỗ trợ nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông có học sinh bán trú: biên soạn tài liệu phục vụ công tác tổ chức, quản lý, dạy học và các nội dung giáo dục đặc thù; Tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên; Số hóa hoặc in ấn tài liệu cho nhà trường; thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Thông tư này.”

11. Sửa đổi tiêu đề Điều 21 như sau:

“21. Nội dung, mức chi bồi dưỡng kiến thức dân tộc và tiếng dân tộc thiểu số; đào tạo ~~đại học~~, đại học và sau đại học”

12. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2 Điều 23 như sau:

“1. Chi xây dựng, biên soạn, chỉnh sửa chương trình, tài liệu bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, người dạy các chương trình đào tạo theo quy định của pháp luật về giáo dục nghề nghiệp; chi phát triển chương trình, giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng theo hình thức đào tạo từ xa; chi phát triển chương trình đào tạo, giáo trình, tài liệu trình độ cao đẳng, trung cấp ở

những ngành nghề phục vụ chuyển đổi cơ cấu ngành, nghề địa phương; chi xây dựng chương trình, tài liệu tập huấn, bồi dưỡng kiến thức đảm bảo và kiểm định chất lượng giáo dục và nghề nghiệp; chi xây dựng bộ tài liệu hướng dẫn xây dựng hệ thống bảo đảm chất lượng; chi xây dựng chương trình, tài liệu bồi dưỡng kiến thức phát triển chương trình đào tạo theo chuẩn đầu ra: Căn cứ quy định tại Thông tư số 78/2018/TT-BTC, các cơ quan, đơn vị chủ trì biên soạn chương trình, giáo trình, tài liệu tập huấn, bồi dưỡng quyết định nội dung và mức chi cho phù hợp với từng chương trình bồi dưỡng.

2. Chi tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn, nâng cao năng lực cho đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, người dạy **các chương trình đào tạo theo quy định của pháp luật về giáo dục nghề nghiệp**: Nội dung và mức chi theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Thông tư này.”

13. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 37 như sau:

~~“2. Phát triển và nhân rộng mô hình tiết kiệm và tin dụng tự quản để tăng cường tiếp cận tín dụng, cải thiện cơ hội sinh kế, tạo cơ hội tạo thu nhập và lồng ghép giới:~~

~~a) Chi tập huấn, biên soạn sổ tay hướng dẫn, toạ đàm, hội thảo, rà soát đánh giá liên quan đến xây dựng và triển khai thực hiện mô hình tiết kiệm và tin dụng tự quản. Nội dung chi và mức chi tương ứng theo quy định tại các khoản 1, 2, 3, 7 và 9 Điều 4 Thông tư này;~~

~~b) Chi hỗ trợ hòm giữ tiết kiệm và chi phí sinh hoạt trong 3 tháng đầu tiên: tối đa 500.000 đồng/tháng/tổ~~

2. Triển khai các hoạt động truyền thông, đào tạo, hỗ trợ nâng cao quyền năng của phụ nữ trong tiếp cận tài chính toàn diện, thúc đẩy giáo dục tài chính cho phụ nữ: Nội dung và mức chi tương ứng theo quy định tại các khoản 1, 2 Điều 4 Thông tư này.”

14. Sửa đổi tiêu đề khoản 3 Điều 37 như sau:

~~“3. Thí điểm và nhân rộng mô hình địa chỉ tin cậy hỗ trợ bảo vệ phụ nữ là nạn nhân bạo lực gia đình, chú trọng phòng ngừa, tiếp nhận, hỗ trợ bảo vệ người bị bạo lực gia đình trên cơ sở giới.”~~

15. Sửa đổi bổ sung điểm b khoản 2 Điều 40 như sau:

~~“b) Đối với các hộ dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn: thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 9 mục III Chương trình ban hành kèm theo Quyết định số 1719/QĐ-TTg~~

b) Đối với các hộ dân tộc nghèo thuộc danh sách dân tộc còn gặp nhiều khó khăn: Hỗ trợ một lần trực tiếp theo hộ hoặc nhóm trong giai đoạn 2021-2025 để chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo các nội dung sau: Hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi; hỗ trợ thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, vắc xin tiêm phòng, thuốc thú y, vật tư y tế, dụng cụ thú y để chăm sóc vật nuôi và các vật tư nông nghiệp khác theo quy định; ưu tiên hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng theo quy định hiện hành. Mức hỗ trợ tối đa 13 triệu đồng/hộ/năm”.

16. Sửa đổi, bổ sung gạch đầu dòng thứ nhất điểm a khoản 1 Điều 48 như sau:

“a) Căn cứ đặt hàng

- Dự toán kinh phí được cấp có thẩm quyền giao để thực hiện chính sách cấp một số ấn phẩm cho vùng dân tộc thiểu số và miền núi, vùng đặc biệt khó khăn theo Quyết định số 752/QĐ-TTg ngày 23 tháng 6 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt về việc đặt hàng cấp một số ấn phẩm báo, tạp chí cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng đặc biệt khó khăn giai đoạn 2023 - 2025 (sau đây viết tắt là Quyết định số 752/QĐ-TTg); **Quyết định số 1513/QĐ-TTg ngày 5 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung Quyết định số 752/QĐ-TTg**”

17. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 3 Điều 48 như sau:

“c) Việc quyết toán kinh phí thực hiện hợp đồng đặt hàng xuất bản, phát hành ấn phẩm thực hiện theo quy định tại Nghị định số 32/2019/NĐ-CP. Cơ quan, đơn vị đặt hàng có trách nhiệm xét duyệt quyết toán kinh phí thực hiện chính sách quy định tại Quyết định số 752/QĐ-TTg, **Quyết định số 1513/QĐ-TTg ngày 5 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung Quyết định số 752/QĐ-TTg**, ~~Quyết định số 1719/QĐ-TTg~~ **Quyết định số 920/QĐ-TTg** và tổng hợp vào quyết toán chi ngân sách nhà nước hàng năm của cơ quan đơn vị đặt hàng theo quy định.”

18. Bổ sung khoản 5 Điều 54 như sau:

“5. Tổ chức tập huấn thực hiện Chương trình sau điều chỉnh thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Thông tư này”

Điều 2. Thay thế, bãi bỏ một số quy định của Thông tư số 55/2023/TT-BTC như sau:

1. Bãi bỏ quy định tại khoản 2 Điều 20, điểm a khoản 2 Điều 21 Thông tư số 55/2023/TT-BTC.

2. Bỏ các cụm từ: “*huyện đảo*” tại Điều 76; “*huyện*” tại tiêu đề tiêu mục 2.1.Nội dung 2 Mục II Chương IV, Điều 81, điểm 2 Điều 84, “*cấp huyện*” tại khoản 1 Điều 122.

3. Thay thế cụm từ “*cấp huyện*” bằng cụm từ “*cấp xã*” tại điểm e khoản 2 Điều 4, khoản 1 Điều 6, điểm b khoản 5 Điều 32, Điều 82, điểm b khoản 2 Điều 108; thay thế từ “*huyện*” bằng từ “*xã*” tại Điều 4, Điều 55, Điều 63, Điều 66, Điều 67, Điều 69, Mục 5, Điều 76, điểm 2 Điều 87, Điều 103, khoản 1 Điều 112, khoản 2 Điều 122, để phù hợp với mô hình chính quyền địa phương hai cấp.

4. Thay thế: cụm từ “*Cơ quan Lao động-Thương binh và Xã hội*” bằng cụm từ “*Cơ quan Nội vụ*” tại điểm b khoản 3 Điều 25; cụm từ “*Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội*” bằng “*Bộ Giáo dục và Đào tạo*” tại Điều 22, Điều 23, Điều 64; cụm từ “*Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội*” bằng cụm từ “*Bộ Nông nghiệp và Môi trường*” tại Điều 56, cụm từ “*Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội*” bằng “*Bộ Nội vụ và Bộ Y tế và các cơ quan liên quan*” tại khoản 1 Điều 114; cụm từ “*Bộ Thông tin và Truyền thông*” bằng “*Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch*” tại Điều 49 và khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5, khoản 7 Điều 76, Điều 82; cụm từ “*Bộ Thông tin và Truyền thông*” bằng “*Bộ Khoa học và công*”

nghệ” tại Điều 53, khoản 6 Điều 76, Điều 110; cụm từ “*Bộ Tài nguyên và Môi trường*” và cụm từ “*Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn*” bằng cụm từ “*Bộ Nông nghiệp và Môi trường*” và cụm từ “*Ủy ban Dân tộc*” bằng cụm từ “*Bộ Dân tộc và Tôn giáo*”.

5. Thay thế: cụm từ “*Quyết định số 1719/QĐ-TTg*” bằng cụm từ “*Quyết định 920/QĐ-TTg*” tại khoản 1 Điều 15; cụm từ “*khoản 6 Mục III Chương trình ban hành kèm theo Quyết định số 1719/QĐ-TTg*” bằng cụm từ “*khoản 5 Mục II Chương trình ban hành kèm theo Quyết định số 920/QĐ-TTg*” tại Điều 32; cụm từ “*điểm b khoản 8 Mục III Chương trình ban hành theo Quyết định số 1719/QĐ-TTg*” bằng cụm từ “*điểm b khoản 8 Mục II Chương trình ban hành kèm theo Quyết định số 920/QĐ-TTg*” tại Điều 45; cụm từ “*điểm a khoản 10 Mục III Chương trình ban hành kèm theo Quyết định số 1719/QĐ-TTg*” bằng cụm từ “*điểm a khoản 9 Mục II Chương trình ban hành kèm theo Quyết định số 920/QĐ-TTg*” tại Điều 46, Điều 47, Điều 49.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2025.
2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật trích dẫn tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật khác thì áp dụng quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.
3. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị phản ánh về Bộ Tài chính để nghiên cứu giải quyết./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Cơ quan Trung ương các Hội, Đoàn thể;
- Sở Tài chính các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Các KBNN khu vực;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Công báo, Cổng Thông tin điện tử của Chính phủ;
- Cổng Thông tin điện tử của Bộ Tài chính;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, KTN (..... bản).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Bùi Văn Khăng